| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 81/2019/DS-PT.
Ngày 23- 4- 2019.
V/v tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Trường.
*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tửu.
Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp "quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS - ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1954 ; cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hữu Ng: Bà Phạm Kim Đ, sinh năm 1956 *(theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2015)*; cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng: Luật sư Lê Phan Hoàng D – Công ty Luật TNHH một thành viên Cửu Long – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn :* 1. Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1953 (có mặt).
2. Ông Nguyễn Phú Th, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: Số H, phường H, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Bình Tân: Ông Nguyễn Duy T – Giám đốc Ngân hàng A Việt Nam – Chi nhánh huyện Bình

Tân; là người đại diện theo ủy quyền *(theo quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014)* (có văn bản xin vắng mặt).

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1955 (vợ ông T); cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị N: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1953 *(theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2015)*; cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (vợ ông Th); cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Phú Th, sinh năm 1957 *(theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2015)*; cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

4. Bà Phạm Kim Đ, sinh năm 1956 (vợ ông Ng, có mặt).

5. Chị Nguyễn Kim Th, sinh năm 1970 (con ông Ng, vắng mặt).

6. Anh Võ Thanh S, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Võ Thanh S: Chị Nguyễn Kim Th, sinh năm 1970 *(theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2018, vắng mặt)*.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh Th1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thanh Th1: Ông Nguyễn Trường T *(theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018, có mặt)*.

Cùng cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu Ng là nguyên đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*- Trong đơn khởi kiện ngày 30/10/2012 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng trình bày:*

Ông Ng đứng tên và sử dụng phần đất thuộc thửa 549 diện tích 4.275,0m$^2$, tờ bản đồ số 3, loại đất thổ vườn, giáp thửa đất số 631 diện tích 3.626,3m$^2$, tờ bản đồ số 3, loại đất vườn của ông Nguyễn Phú Th đứng tên quyền sử dụng và giáp thửa 636 diện tích 913,0m$^2$, tờ bản đồ số 3, loại đất vườn của ông Nguyễn Trường T đứng tên; trong quá trình sử dụng ông Th đã lấn chiếm từ thửa 631 sang thửa 549 ngang 1,5m x dài 135,36m (có diện tích khoảng 203,4m$^2$); ông T lấn chiếm từ thửa đất số 636 sang thửa 549 ngang 02m x dài 60m (có diện tích 120m$^2$) nên ông Ng khởi kiện yêu cầu ông Th, ông T trả lại cho ông Ng diện tích đất mà ông Th và ông T lấn chiếm; bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 549 ông đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng A Việt Nam – Chi nhánh huyện Bình Tân - Phòng giao dịch Tân Lược.

*- Tại bản khai ngày 12/12/2012 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Trường T trình bày:*

Ông T sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 636 diện tích 913m$^2$ loại đất vườn; tiếp giáp đất ông Ng (là anh ruột) tại thửa 549, thực tế thửa đất 549 hiện nay thì ông Ng đã giao lại cho con rễ của ông Ng tên là Võ Thanh S đang sử dụng; trên ranh đất tranh chấp ông có trồng bụi tre khi ông Ng chuyển nhượng lại đất thửa 549 từ anh ruột là ông Nguyễn Trường M vào năm 2005; ranh đất đã có trụ đá trước khi ông M chuyển lại đất cho ông Ng; khi ông M và ông Ng chuyển nhượng đất thì ông không có chứng kiến và không ký tên vào biên bản đo đạc thực tế. Hiện nay, trên phần ranh đất tranh chấp theo yêu cầu của ông Ng thì có vách nhà của chị Nguyễn Thị Thanh Th1 (là con ruột ông) cất trên thửa đất 636 chưa lấn sang đất ông Ng, do đó ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Ng.

*- Tại bản khai ngày 12/12/2012 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Phú Th trình bày:*

Ông Th sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa số 631 diện tích chung bằng 3.626m$^2$ loại đất vườn; giáp đất ông Ng (là anh ruột) tại thửa 549; hiện trạng trên phần đất tranh chấp với ông Ng là đất trống, thửa 631 ông đang trồng nhãn nhưng trên đất tranh chấp không có cây trồng; giữa hai thửa đất đã có cắm trụ đá làm ranh trước khi ông Ng nhận chuyển nhượng đất của ông M vào năm 2005, khi ông M chuyển nhượng đất cho ông Ng thì ông không có chứng kiến và không ký tên vào biên bản đo đạc thực tế. Ông sử dụng đất không có lấn ranh nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Ng; bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 631 ông đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng A Việt Nam – Chi nhánh huyện Bình Tân - Phòng giao dịch Tân Lược.

*- Tại văn bản ngày 06/12/2012, ngày 06/4/2015 và ngày 24/4/2018 của Ngân hàng A Việt Nam có ý kiến như sau:*

Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Ng thuộc thửa 549, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.275,0m$^2$ (có 300m$^2$ đất thổ và 3.975m$^2$ đất vườn); quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Phú Th tại thửa 631, tờ bản đồ số 3, diện tích bằng 3.626m$^2$ loại đất vườn cùng tọa lạc tại tổ B, ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng A Việt Nam – Chi nhánh huyện Bình Tân – Phòng giao dịch Tân Lược nhưng giao dịch chưa đến hạn, nên Ngân hàng chưa yêu cầu thu hồi nợ trước hạn do việc tranh chấp ranh đất với diện tích không lớn vẫn đảm bảo khả năng thu hồi nợ từ tài sản bảo đảm và Ngân hàng xin vắng mặt khi Tòa án án giải quyết vụ án.

*- Tại biên bản làm việc ngày 16/8/2013, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:*

Bà Lê Thị N là vợ ông Nguyễn Trường T thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông T.

Bà Nguyễn Thị H là vợ ông Nguyễn Phú Th thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Th.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim Đ trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Hữu Ng, thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Ng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim Th trình bày: Phần đất mà cha chị là ông Nguyễn Hữu Ng tranh chấp ranh với ông T thì vợ chồng chị đang trồng dừa, do chị và ông Ng hùn tiền chuyển nhượng nhưng để ông Ng đứng tên; hiện trên ranh đất tranh chấp không có tài sản gì của vợ chồng chị, chỉ có bụi tre do ông T trồng, vách tường của nhà chị Th1 và ống bọng do phía ông T đặt sát vách tường nhà chị Th1.

- Tại tờ tường trình ngày 16/4/2018 chị Nguyễn Thị Thanh Th1 trình bày: Chị có cất căn nhà trên đất cha ruột chị là ông T. Nhà của chị cất không có lấn ranh đất của ông Ng.

** Tại bản án số 55/2014/DS.ST ngày 31/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đã quyết định:*

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Ng.

Buộc ông Nguyễn Trường T phải trả tiền giá trị đất cho ông Ng là 8.400.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Phú Th phải trả tiền giá trị đất cho ông Ng là 14.210.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát, định giá; án phí, việc trả lãi do chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Ng, ông T và ông Th có đơn kháng cáo.

** Tại bản án số: 108/2015/DS-PT ngày 05/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đã quyết định:*

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 55/2014/DSST ngày 31/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử lại theo thủ tục chung.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST, ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, đã quyết định.*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ng về việc yêu cầu ông Nguyễn Trường T giao trả quyền sử dụng đất có diện tích bằng 88,7m$^2$ thuộc chiết thửa 636-1, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3 do ông T đứng tên quyền sử dụng và không chấp nhận việc ông Ng yêu cầu ông Nguyễn Phú Th giao trả quyền sử dụng đất có diện tích bằng 201,4m$^2$ thuộc chiết thửa 631-1, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3 do ông Th đứng tên quyền sử dụng; cả hai thửa đất tọa lạc tại tổ B ấp P xã B huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *(Kèm trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/7/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Tân).*

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát, đo đạc, định giá, án phí, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

*Ngày 29/5/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết:* Buộc ông Nguyễn Trường T giao trả quyền sử dụng đất có diện tích bằng 88,7m$^2$ thuộc chiết thửa 636-1, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3 do

ông T đứng tên quyền sử dụng và buộc ông Nguyễn Phú Th giao trả quyền sử dụng đất có diện tích bằng 201,4m$^2$ thuộc chiết thửa 631-1, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3 do ông Th đứng tên quyền sử dụng; cả hai thửa đất tọa lạc tại tổ B ấp P xã B huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Ông Nguyễn Hữu Ng sửa đổi kháng cáo theo diện tích đất đo đạc tại cấp phúc thẩm là: Ông Ng yêu cầu ông Th trả diện tích 187,8m$^2$ và yêu cầu ông T trả diện tích 96,3m$^2$. Trên đất tranh chấp với ông Th chỉ có cây gòn, Tòa xác định đất thuộc quyền sử dụng của ai thì cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của người đó không có tranh chấp. Trên đất tranh chấp với ông T có phạm vào một phần căn nhà của chị Th1diện tích 15m$^2$; có cây do ông T trồng gồm: 01 cây chuối, 01 cây xoài, 67 cây tre tàu, 01 cây dừa; cây do ông Ng trồng gồm: 01 cây dừa giá 500.000 đồng. Nếu Tòa xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Ng thì ông Ng yêu cầu phía ông T di dời nhà và cây trồng trả lại đất cho ông Ng. Nếu Tòa xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T thì ông Ng yêu cầu ông T trả giá trị cây dừa là 500.000 đồng.

- Ông Th không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Ng. Trên đất tranh chấp với ông Th chỉ có cây gòn, Tòa xác định đất thuộc quyền sử dụng của ai thì cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của người đó không có tranh chấp.

- Ông T không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Ng. Trên đất tranh chấp có phạm vào một phần căn nhà của chị Th1 iện tích 15m$^2$; có cây do ông T trồng gồm: 01 cây chuối, 01 cây xoài, 67 cây tre tàu, 01 cây dừa; cây do ông Ng trồng gồm: 01 cây dừa giá 500.000 đồng. Nếu Tòa xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Ng thì ông T đồng ý di dời nhà và cây trồng trả lại đất cho ông Ng. Nếu Tòa xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T thì ông T đồng ý trả cho ông Ng giá trị cây dừa là 500.000 đồng.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Ng được sửa đổi tại phiên Tòa. Buộc ông Th trả ông Ng diện tích đất 187,8m$^2$ và buộc ông T trả ông Ng diện tích đất 96,3m$^2$.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Luật sư và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Ng. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Th trả cho ông Ng diện tích 43,7m$^2$ theo các mốc 3,A,27,3. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ng về việc yêu cầu buộc ông Th trả ông Ng diện tích 144,1m$^2$ và không chấp nhận kháng cáo của ông Ng về việc yêu cầu buộc ông T trả ông Ng diện tích 96,3m$^2$. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T bồi thường cho ông Ng

giá trị 01 cây dừa là 500.000 đồng do ông Ng trồng trên đất thuộc quyền sử dụng của ông T.

Chi phí khảo sát, định giá ông Ng phải chịu theo tỉ lệ tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận. Ông Th phải chịu tương ứng với phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với ông Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ng, ông Th, ông T đều thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Ng không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Ông Ng là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Ng sửa đổi kháng cáo theo diện tích đất đo đạc tại cấp phúc thẩm không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu.

Nên kháng cáo của ông Ng được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

[1]. Xét toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng.

Xét việc, ông Ng kháng cáo yêu cầu ông Th trả diện tích 187,8m$^2$ và yêu cầu ông T trả diện tích 96,3m$^2$. Trên đất tranh chấp với ông Th chỉ có cây gòn, Tòa xác định đất thuộc quyền sử dụng của ai thì cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của người đó không có tranh chấp. Trên đất tranh chấp với ông T có phạm vào một phần căn nhà của chị Th1 diện tích 15m$^2$; có cây do ông T trồng gồm: 01 cây chuối, 01 cây xoài, 67 cây tre tàu, 01 cây dừa; cây do ông Ng trồng gồm: 01 cây dừa giá 500.000 đồng. Nếu Tòa xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Ng thì ông Ng yêu cầu phía ông T di dời nhà và cây trồng trả lại đất cho ông Ng. Nếu Tòa xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T thì ông Ng yêu cầu ông T trả giá trị cây dừa là 500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận một phần. Vì, theo kết quả khảo sát, đo đạc được thể hiện tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xác định

theo sự chỉ ranh của các đương sự, diện tích tranh chấp giữa ông Ng với ông Th là 187,8m$^2$ thì có 144,1m$^2$ thuộc thửa 631 do ông Th đứng tên quyền sử dụng đất, có 43,7m$^2$ thuộc thửa 549 do ông Ng đứng tên quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp giữa ông Ng với ông T là 96,3m$^2$ thuộc thửa 636 do ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Vì vậy, có căn cứ buộc ông Th trả ông Ng diện tích 43,7m$^2$ theo các mốc 3,A,27,3. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ng về việc yêu cầu buộc ông Th trả ông Ng diện tích 144,1m$^2$ và không chấp nhận kháng cáo của ông Ng về việc yêu cầu buộc ông T trả ông Ng diện tích 96,3m$^2$. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T bồi thường cho ông Ng giá trị 01 cây dừa là 500.000 đồng do ông Ng trồng trên đất thuộc quyền sử dụng của ông T. Ông T được quyền sở hữu cây dừa đã bồi thường cho ông Ng.

[2] xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ng là có căn cứ một phần, nên Tòa chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[4] Từ các căn cứ trên, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân như nhận định trên.

[5] Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là:19.886.300đ do ông Ng đã nộp tạm ứng trước.

Buộc ông Th nộp 3.314.400 đồng để hoàn trả lại cho ông Ng.

Buộc ông Ng nộp 16.571.900 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà ông Ng đã nộp, nên ông Ng không phải nộp thêm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ng và ông Th mỗi người nộp 300.000 đồng. Nhưng ông Ng và ông Th đều thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Ng không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Ng.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST, ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Áp dụng: khoản 9 Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ng.

2. Buộc ông Nguyễn Phú Th trả ông Nguyễn Hữu Ng diện tích 43,7m$^2$, thuộc thửa 549, loại đất CLN, có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 3, A, 27, 3.

3. Không chấp nhận việc ông Nguyễn Hữu Ng yêu cầu ông Nguyễn Phú Th trả ông Ng diện tích 144,1m$^2$, thuộc thửa 631, loại đất CLN, có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc A, 4, 28, 27, A.

4. Không chấp nhận việc ông Nguyễn Hữu Ng yêu cầu của ông Nguyễn Trường T trả ông Ng diện tích 96,3m$^2$, thuộc thửa 636, loại đất CLN, có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 12, 13, 25, 26, 12.

5. Tất cả các thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại: Ấp P, xã B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

6. Có trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp đề ngày 20/02/2019 kèm theo bản án.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Trường T bồi thường cho ông Nguyễn Hữu Ng giá trị 01 cây dừa là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) do ông Ng trồng trên đất thuộc quyền sử dụng của ông T. Ông T được quyền sở hữu cây dừa đã bồi thường cho ông Ng.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là: 19.886.300đ do ông Nguyễn Hữu Ng đã nộp tạm ứng trước.

Buộc ông Nguyễn Phú Th nộp 3.314.400 đồng (ba triệu ba trăm mười bốn ngàn bốn trăm đồng) để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu Ng.

Buộc ông Nguyễn Hữu Ng nộp 16.571.900 đồng (mười sáu triệu năm trăm bảy mươi mốt ngàn chín trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà ông Ng đã nộp, nên ông Ng không phải nộp thêm.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Hữu Ng và ông Nguyễn Phú Th.

Hoàn trả ông Nguyễn Hữu Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 566.000 đồng (năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 005156 ngày 05/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

11. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Ng không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

12. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- *TANDCC: 01b;*
- *VKSNDTVL: 02b;*
- *CA TAT: 01b;*
- *TAND huyện Bình Tân: 01b;*
- *THADS huyện Bình: 02b;*
- *Đ/sự: 09b;*
- *Lưu: 06b.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

***Nguyễn Văn Trường***